34. TƯƠNG ƯNG THIỀN
(*JHĀNASAṂYUTTA*)

I. KINH THIỀN CHỨNG TRONG THIỀN ĐỊNH
(*Samādhimūlakasamāpattisutta*)[1] (*S.* III. 263)

662. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người tu thiền này. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu thiền, thiện xảo về thiền định trong thiền định,[2] nhưng không thiện xảo về thiền chứng[3] trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu thiền, thiện xảo về thiền chứng trong thiền định, nhưng không thiện xảo về thiền định trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu thiền, không thiện xảo về thiền định trong thiền định, cũng không thiện xảo về thiền chứng trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu thiền, thiện xảo về thiền định trong thiền định, cũng thiện xảo về thiền chứng trong thiền định.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu thiền, thiện xảo về thiền định trong thiền định, và cũng thiện xảo về thiền chứng trong thiền định. Trong bốn vị tu thiền ấy, vị này là vị tối tôn, tối thắng, là vị thượng thủ, tối thượng, tối diệu.

Ví như, này các Tỷ-kheo, từ bò cái được sữa, từ sữa được lạc, từ lạc được sanh tô, từ sanh tô được thục tô, từ thục tô được đề-hồ.[4] Đề-hồ này được gọi là tối tôn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị tu thiền thiện xảo về thiền định trong thiền định và cũng thiện xảo về thiền chứng trong thiền định. Trong bốn vị tu thiền ấy, vị này là vị tối tôn, tối thắng, là vị thượng thủ, tối thượng, tối diệu.

II. KINH CHỈ TRÚ TRONG THIỀN ĐỊNH
(*Samādhimūlakaṭhitisutta*)[5] (*S.* III. 264)

663. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người tu thiền này. Thế nào là bốn?

---

[1] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.883. 0222c13).

[2] *Samādhikusala*: Thiện xảo tâm định, thiện xảo về định. *Chú giải* và *Hậu chú giải* viết rằng đây là sự rành rẽ về cách xác định các thiền chi, như 5 thiền chi (tầm, tứ, hỷ, lạc, nhất tâm) trong tầng Thiền thứ nhất, 3 thiền chi (hỷ, lạc, nhất tâm) trong tầng Thiền thứ hai.

[3] *Samāpattikusala*: Thiện xảo nhập thiền, thiện xảo chứng thiền. *Chú giải* viết đây là khả năng điều tâm cho thích hợp, khởi hỷ tâm để nhập thiền hay chứng thiền.

[4] *Khīra*: Sữa; *Dadhi*: Lạc, sữa đặc; *Navanīta*: Sanh tô, bơ tươi; *Sappi*: Bơ trong; *Sappimaṇḍa*: Đề-hồ, bơ sữa tinh chất.

[5] Bản tiếng Anh của PTS: *Steadfastness*, nghĩa là *Chỉ trú*.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu thiền, thiện xảo về thiền định trong thiền định, nhưng không thiện xảo về chỉ trú trong thiền định.[6]

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu thiền, thiện xảo về chỉ trú trong thiền định, nhưng không thiện xảo về thiền định trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu thiền, không thiện xảo về thiền định trong thiền định, cũng không thiện xảo về chỉ trú trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu thiền, thiện xảo về thiền định trong thiền định, và cũng thiện xảo về chỉ trú trong thiền định.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, vị tu thiền, thiện xảo về thiền định trong thiền định, cũng thiện xảo về chỉ trú trong thiền định. Trong bốn vị tu thiền ấy, vị này là vị tối tôn, tối thắng, là vị thượng thủ, tối thượng, tối diệu.

Ví như, này các Tỷ-kheo, từ bò cái nên có sữa, từ sữa có lạc, từ lạc có sanh tô, từ sanh tô có thục tô, từ thục tô có đề-hồ. Đề-hồ được gọi là tối tôn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị tu thiền, thiện xảo về thiền định trong thiền định, cũng thiện xảo về chỉ trú trong thiền định. Trong bốn vị tu thiền ấy, vị này là vị tối tôn, tối thắng, là vị thượng thủ, tối thượng, tối diệu.

III. KINH XUẤT KHỞI TỪ THIỀN ĐỊNH
(*Samādhimūlakavuṭṭhānasutta*)[7] (*S.* III. 265)

664. (Như kinh trên, chỉ thay thế "thiện xảo về xuất khởi" cho "thiện xảo về chỉ trú").

IV. KINH THUẦN THỤC TRONG THIỀN ĐỊNH
(*Samādhimūlakakallitasutta*)[8] (*S.* III. 265)

665. (Như kinh trên, chỉ thay thế "thiện xảo về thuần thục" cho "thiện xảo về xuất khởi").

V. KINH SỞ DUYÊN TRONG THIỀN ĐỊNH
(*Samādhimūlakaārammaṇasutta*)[9] (*S.* III. 266)

666. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thiện xảo về sở duyên").

VI. KINH HÀNH CẢNH TRONG THIỀN ĐỊNH
(*Samādhimūlakagocarasutta*)[10] (*S.* III. 266)

667. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thiện xảo về hành cảnh").

---

[6] *Samādhismiṃ ṭhitikusala*: Thiện xảo trong việc trụ nơi định hay nơi tầng thiền. *Chú giải* viết không thiện xảo trong việc trụ nơi định hay nơi tầng thiền, tức là không thể trụ nơi tầng thiền trong khoảng thời gian của 7 hay 8 cái chớp mắt hoặc 7 hay 8 cái búng ngón tay kêu tiếng tách.

[7] Bản tiếng Anh của PTS: *Emerging*, nghĩa là *Xuất khởi*. Tham khảo *M.* I. 302; *A.* III. 311.

[8] *Hậu chú giải* viết đây là sự điều tâm thích hợp, tránh xa các pháp chướng ngại của định, để có thể nhập định. Bản tiếng Anh của PTS: *Thorough*, nghĩa là *Thuần thục*.

[9] Bản tiếng Anh của PTS: *Object*, nghĩa là *Sở duyên* (*Đối tượng*).

[10] *Chú giải* viết *Hành cảnh* (*Gocara*) bao gồm nơi thích hợp cho pháp môn thiền định (*kammaṭṭhānagocara*) và nơi thích hợp cho chư Tăng đi khất thực (*bhikkhācāragocara*). Bản tiếng Anh của PTS: *Range*, nghĩa là *Hành cảnh*.

VII. KINH SỞ NGUYỆN TRONG THIỀN ĐỊNH
(*Samādhimūlakaabhinīhārasutta*)[11] (*S.* III. 267)

668. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thiện xảo về sở nguyện").

VIII. KINH HÀNH THẬN TRỌNG ĐỂ ĐẠT ĐỊNH
(*Samādhimūlakasakkaccakārīsutta*)[12] (*S.* III. 267)

669. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thiện xảo về thận trọng").

IX. KINH HÀNH KIÊN TRÌ ĐỂ ĐẠT ĐỊNH
(*Samādhimūlakasātaccakārīsutta*)[13] (*S.* III. 268)

670. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thiện xảo về kiên trì").

X. KINH HÀNH THÍCH ỨNG ĐỂ ĐẠT ĐỊNH
(*Samādhimūlakasappāyakārīsutta*)[14] (*S.* III. 268)

671. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thiện xảo về thích ứng").

XI. KINH CHỈ TRÚ TRONG THIỀN CHỨNG
(*Samāpattimūlakaṭhitisutta*) (*S.* III. 269)

672. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Có bốn hạng người tu thiền, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, thiện xảo về thiền chứng trong thiền định, nhưng không thiện xảo về chỉ trú trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, thiện xảo về chỉ trú trong thiền định, nhưng không thiện xảo về thiền chứng trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, không thiện xảo về thiền chứng trong thiền định, cũng không thiện xảo về chỉ trú trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, thiện xảo về thiền chứng trong thiền định, và cũng thiện xảo về chỉ trú trong thiền định.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, người tu thiền, thiện xảo về thiền chứng trong thiền định và cũng thiện xảo về chỉ trú trong thiền định. Trong bốn vị tu thiền ấy, vị tu thiền này là tối tôn, tối thắng, là vị thượng thủ, tối thượng, tối diệu.

Ví như, này các Tỷ-kheo, từ bò cái nên có sữa… tối diệu.

XII. KINH XUẤT KHỞI TỪ THIỀN CHỨNG
(*Samāpattimūlakavuṭṭhānasutta*) (*S.* III. 269)

673. (Như kinh trên, chỉ thay thế "thiện xảo về xuất khởi" cho "thiện xảo về chỉ trú").

---

[11] *Chú giải*, *Hậu chú giải* viết đây là quyết tâm tiến bộ hoặc thành tựu trong định hay trong pháp môn thiền định. Bản tiếng Anh của PTS: *Resolve*, nghĩa là *Quyết tâm*.

[12] Bản tiếng Anh của PTS: *Zeal*, nghĩa là *Nhiệt tâm*.

[13] Bản tiếng Anh của PTS: *Persevering*, nghĩa là *Kiên trì*.

[14] Bản tiếng Anh của PTS: *Profit*, nghĩa là *Lợi ích*.

XIII. KINH THUẦN THỤC TRONG THIỀN CHỨNG
(*Samāpattimūlakakallitasutta*) (*S.* III. 270)

674. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thiện xảo về thuần thục").

XIV. KINH SỞ DUYÊN TRONG THIỀN CHỨNG
(*Samāpattimūlakaārammaṇasutta*) (*S.* III. 270)

675. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thiện xảo về sở duyên").

XV. KINH HÀNH CẢNH TRONG THIỀN CHỨNG
(*Samāpattimūlakagocarasutta*) (*S.* III. 270)

676. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thiện xảo về hành cảnh").

XVI. KINH SỞ NGUYỆN TRONG THIỀN CHỨNG
(*Samāpattimūlakaabhinīhārasutta*) (*S.* III. 271)

677. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thiện xảo về sở nguyện").

XVII. KINH THẬN TRỌNG TRONG THIỀN CHỨNG
(*Samāpattimūlakasakkaccasutta*) (*S.* III. 271)

678. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thiện xảo về thận trọng").

XVIII. KINH KIÊN TRÌ TRONG THIỀN CHỨNG
(*Samāpattimūlakasātaccasutta*) (*S.* III. 271)

679. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thiện xảo về kiên trì").

XIX. KINH HÀNH THÍCH ỨNG TRONG THIỀN CHỨNG
(*Samāpattimūlakasappāyakārīsutta*) (*S.* III. 271)

680. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thiện xảo về thích ứng").

XX-XXVII. NHÓM 8 KINH CHỈ TRÚ - XUẤT KHỞI
(*Ṭhitimūlakavuṭṭhānasuttādiaṭṭhaka*) (*S.* III. 272)

681-688. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Có bốn hạng người tu thiền, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, thiện xảo về chỉ trú trong thiền định, nhưng không thiện xảo về xuất khởi trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, thiện xảo về xuất khởi trong thiền định, nhưng không thiện xảo về chỉ trú trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, không thiện xảo về chỉ trú trong thiền định, cũng không thiện xảo về xuất khởi trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, thiện xảo về chỉ trú trong thiền định, và cũng thiện xảo về xuất khởi trong thiền định.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, vị tu thiền, thiện xảo về chỉ trú trong thiền định

và cũng thiện xảo về xuất khởi trong thiền định. Trong bốn vị tu thiền ấy, vị tu thiền này là tối tôn, tối thắng, là bậc thượng thủ, bậc tối thượng, tối diệu.

(Tương tự đến kinh XXVII là KINH CHỈ TRÚ - THIỆN XẢO VỀ THÍCH ỨNG, nội dung như kinh trên, chỉ thay thế "thiện xảo về xuất khởi trong thiền định" bằng "thiện xảo về thuần thục trong thiền định"... "thiện xảo về thích ứng trong thiền định").

XXVIII-XXXIV. NHÓM 7 KINH XUẤT KHỞI - THUẦN THỤC (*Vuṭṭhānamūlakakallitasuttādisattaka*) (*S.* III. 274)

689-695. (Như kinh trên, chỉ thế vào "xuất khởi" và "thuần thục").

Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Có bốn hạng người tu thiền, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, thiện xảo về xuất khởi trong thiền định, nhưng không thiện xảo về thuần thục trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, thiện xảo về thuần thục trong thiền định, nhưng không thiện xảo về xuất khởi trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, không thiện xảo về xuất khởi trong thiền định, cũng không thiện xảo về thuần thục trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền thiện xảo về xuất khởi trong thiền định, và cũng thiện xảo về thuần thục trong thiền định.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, vị tu thiền thiện xảo về xuất khởi trong thiền định và cũng thiện xảo về thuần thục trong thiền định. Trong bốn vị tu thiền ấy, vị này là tối tôn, tối thắng, là bậc thượng thủ, tối thượng và tối diệu.

(Tương tự đến kinh XXXIV là KINH XUẤT KHỞI - THIỆN XẢO VỀ THÍCH ỨNG, nội dung như kinh trên, chỉ thay thế "thiện xảo về thuần thục trong thiền định" bằng "thiện xảo về sở duyên trong thiền định"... "thiện xảo về thích ứng trong thiền định").

XXXV-XL. NHÓM 6 KINH THUẦN THỤC - SỞ DUYÊN (*Kallitamūlakaārammaṇasuttādichakka*) (*S.* III. 275)

696-701. Nhân duyên ở Sāvatthi... thiện xảo về thuần thục trong thiền định, nhưng không thiện xảo về sở duyên trong thiền định... thiện xảo về sở duyên trong thiền định, nhưng không thiện xảo về thuần thục trong thiền định... không thiện xảo về thuần thục trong thiền định, cũng không thiện xảo về sở duyên trong thiền định... thiện xảo về thuần thục trong thiền định và cũng thiện xảo về sở duyên trong thiền định.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, người tu thiền... tối thượng, tối diệu.

(Tương tự đến kinh XL là KINH THUẦN THỤC - THIỆN XẢO VỀ THÍCH ỨNG, nội dung như kinh trên, chỉ thay thế "thiện xảo về sở duyên trong thiền

định" bằng "thiện xảo về hành cảnh trong thiền định"… "thiện xảo về thích ứng trong thiền định").

XLI-XLV. NHÓM 5 KINH SỞ DUYÊN - HÀNH CẢNH
(*Ārammaṇamūlakagocarasuttādipañcaka*) (*S.* III. 275)

702-706. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "sở duyên" và "hành cảnh").

Nhân duyên ở Sāvatthi… thiện xảo về sở duyên trong thiền định, nhưng không thiện xảo về hành cảnh trong thiền định… thiện xảo về hành cảnh trong thiền định, nhưng không thiện xảo về sở duyên trong thiền định… không thiện xảo về sở duyên trong thiền định, cũng không thiện xảo về hành cảnh trong thiền định… thiện xảo về sở duyên trong thiền định và cũng thiện xảo về hành cảnh trong thiền định.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, người tu thiền… tối thượng, tối diệu.

(Tương tự đến kinh XLV là KINH SỞ DUYÊN - THIỆN XẢO VỀ THÍCH ỨNG, nội dung như kinh trên, chỉ thay thế "thiện xảo về hành cảnh trong thiền định" bằng "thiện xảo về sở nguyện trong thiền định"… "thiện xảo về thích ứng trong thiền định").

XLVI-XLIX. NHÓM 4 KINH HÀNH CẢNH - SỞ NGUYỆN
(*Gocaramūlakaabhinīhārasuttādicatukka*) (*S.* III. 276)

707. Nhân duyên ở Sāvatthi... thiện xảo về hành cảnh trong thiền định, nhưng không thiện xảo về sở nguyện trong thiền định... thiện xảo về sở nguyện trong thiền định, nhưng không thiện xảo về hành cảnh trong thiền định... không thiện xảo về hành cảnh trong thiền định, và cũng không thiện xảo về sở nguyện trong thiền định... thiện xảo về hành cảnh trong thiền định và cũng thiện xảo về sở nguyện trong thiền định... Ví như, này các Tỷ-kheo, từ bò cái nên có sữa, từ sữa có lạc, từ lạc có sanh tô, từ sanh tô có thục tô, từ thục tô có đề-hồ. Đề-hồ này được gọi là tối tôn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị tu thiền, thiện xảo về thiền chứng trong thiền định, cũng thiện xảo về thích ứng trong thiền định. Trong bốn vị tu thiền ấy, vị này là… tối thượng, tối diệu.

708. ... thiện xảo về hành cảnh trong thiền định, nhưng không thiện xảo về thận trọng trong thiền định...

709. ... thiện xảo về hành cảnh trong thiền định, nhưng không thiện xảo về kiên trì trong thiền định...

710. ... thiện xảo về hành cảnh trong thiền định, nhưng không thiện xảo về thích ứng trong thiền định...

L-LII. NHÓM 3 KINH THẬN TRỌNG - SỞ NGUYỆN
(*Abhinīhāramūlakasakkaccasuttāditika*) (*S.* III. 277)

711. Nhân duyên ở Sāvatthi... thiện xảo về sở nguyện trong thiền định,

nhưng không thiện xảo về thận trọng trong thiền định... thiện xảo về thận trọng trong thiền định, nhưng không thiện xảo về sở nguyện trong thiền định... không thiện xảo về sở nguyện trong thiền định, và cũng không thiện xảo về thận trọng trong thiền định... thiện xảo về sở nguyện trong thiền định và cũng thiện xảo về thận trọng trong thiền định. Tại đây, này các Tỷ-kheo, vị tu thiền… tối thượng, tối diệu.

712. … thiện xảo về sở nguyện trong thiền định, nhưng không thiện xảo về kiên trì trong thiền định...

713. … thiện xảo về sở nguyện trong thiền định, nhưng không thiện xảo về thích ứng trong thiền định...

LIII-LIV. NHÓM 2 KINH HÀNH THẬN TRỌNG VÀ KIÊN TRÌ
(*Sakkaccamūlakasātaccakārīsuttādiduka*)[15] (*S.* III. 277)

714. Nhân duyên ở Sāvatthi... thiện xảo về thận trọng trong thiền định, nhưng không thiện xảo về kiên trì trong thiền định... thiện xảo về kiên trì trong thiền định, nhưng không thiện xảo về thận trọng trong thiền định... không thiện xảo về thận trọng trong thiền định, và cũng không thiện xảo về kiên trì trong thiền định... thiện xảo về thận trọng trong thiền định và cũng thiện xảo về kiên trì trong thiền định.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, người tu thiền… tối thượng, tối diệu.

715. ... thiện xảo về thận trọng trong thiền định, nhưng không thiện xảo về thích ứng trong thiền định…

LV. KINH HÀNH KIÊN TRÌ - THÍCH ỨNG
(*Sātaccamūlakasappāyakārīsutta*) (*S.* III. 277)

716. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người tu thiền này. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, thiện xảo về kiên trì trong thiền định, nhưng không thiện xảo về thích ứng trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, thiện xảo về thích ứng trong thiền định, nhưng không thiện xảo về kiên trì trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, không thiện xảo về kiên trì trong thiền định và cũng không thiện xảo về thích ứng trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, thiện xảo về kiên trì trong thiền định, và cũng thiện xảo về thích ứng trong thiền định.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, người tu thiền, thiện xảo về kiên trì trong thiền định và cũng thiện xảo về thích ứng trong thiền định. Trong bốn vị tu thiền ấy, người tu thiền này là tối tôn, tối thắng, là bậc thượng thủ, là tối thượng và tối diệu.

---

[15] Trong bản tiếng Anh của PTS, mục LIII là *Zeal and Perseverance*, nghĩa là *Nhiệt tâm và Kiên trì*.

Ví như, này các Tỷ-kheo, từ bò cái có được sữa, từ sữa có lạc, từ lạc có sanh tô, từ sanh tô có thục tô, từ thục tô có đề-hồ. Và đề-hồ được xem là tối tôn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị tu thiền này, đối với bốn vị tu thiền ấy, vị này là tối tôn, tối thắng, là bậc thượng thủ, là tối thượng và tối diệu.
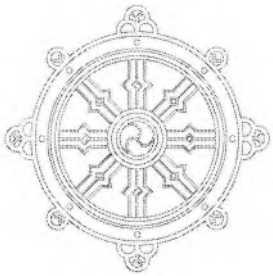
Thế Tôn thuyết như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.